

Bản án số: 64/2023/KDTM-ST

Ngày: 30-9-2023

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HÀ ĐÔNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Ánh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Thông và ông Nguyễn Văn Cát

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Mạnh Đức, Thư ký Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Chu Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại sơ thẩm thụ lý số 59/2021/TLST-KDTM ngày 09/11/2021 về “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2023/QĐXXST-KDTM ngày 28/8/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2023/QĐST-KDTM ngày 14/9/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (tên viết tắt: V1). Địa chỉ trụ sở chính: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị; người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn H, Cán bộ Xử lý nợ; ông H có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH K1. Địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh: Tổ dân phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội; người đại diện theo pháp luật: Ông Đỗ Khánh T - Chức vụ: Giám đốc (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0106928983, do Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp lần đầu ngày 11/08/2015, đăng ký thay đổi lần thứ 8 ngày 06/8/2018); ông T có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Vũ Đình P, sinh năm 1990; ĐKHKTT: xã A, huyện Q, tỉnh Thái Bình; nơi cư trú: C N Chung cư C, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; có mặt tại phiên tòa;

+ Ông Đỗ Khánh T, sinh năm 1983; ĐKHKT: Xóm A, thôn A, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; có mặt tại phiên tòa;

+ Bà Trần Thị L, sinh năm 1971; ĐKHKT: thôn T, xã N, huyện T, tỉnh Thái Bình; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1]. Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, đại diện theo ủy quyền nguyên đơn Ngân hàng TMCP V (sau đây viết tắt là: V1) trình bày:

[1.1]. Về quan hệ tín dụng:

- Theo Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017) ngày 14/3/2017 và Khế ước nhận nợ kèm theo, Công ty TNHH K1 (sau đây gọi tắt là Công ty K1) vay vốn của V1 với tổng số tiền 745.492.470 (bảy trăm bốn mươi lăm triệu bốn trăm chín mươi hai nghìn bốn trăm bảy mươi) đồng. Nội dung cơ bản như sau:

+ Mục đích sử dụng vốn vay: Bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh thanh toán các hóa đơn: hóa đơn VAT số 0000161, hóa đơn VAT 0000395, hóa đơn VAT 0000159, hóa đơn VAT 0000160, VAT 0000700.

+ Thời hạn vay: 24 tháng kể từ ngày 18/3/2017.

+ Lãi suất cho vay (trong hạn): áp dụng lãi suất thả nổi quy định trong Khế ước nhận nợ, tại thời điểm giải ngân là 21,9%/năm (360 ngày) và 22,20%/năm (365 ngày) cố định trong 02 tháng đầu tiên kể từ ngày giải ngân. Sau 02 tháng, lãi suất được điều chỉnh định kỳ 02 tháng/01 lần, ngày điều chỉnh đầu tiên là ngày 18/5/2017, mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của bên ngân hàng do Hội sở chính tại thời điểm điều chỉnh áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 1 đến 2 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 2M (+) biên độ 14%/năm, ngân hàng tự động thực hiện việc điều chỉnh lãi và không phải thông báo cho bên vay.

+ Kỳ trả nợ gốc, lãi là ngày 15 hàng tháng, kỳ đầu tiên là 15/4/2017.

+ Trường hợp Bên vay trả nợ khoản vay trước hạn và thời gian vay thực tế của Bên vay là không quá 15 ngày, Bên vay sẽ phải chịu mức lãi suất cho vay theo ngày với mức bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn đang áp dụng nhưng số tiền lãi vay tối thiểu trong mọi trường hợp phải bằng 0,3% giá trị khoản vay theo Hợp đồng này tùy theo giá trị nào cao hơn.

+ Lãi suất cơ cấu lại thời hạn trả nợ: Thực hiện theo quy định của Bên Ngân hàng tại thời điểm cơ cấu lại, nhưng không vượt quá 150% lãi suất nợ trong hạn tại thời điểm cơ cấu lại. Mức lãi suất cơ cấu lại cũng được điều chỉnh định kỳ như

cách điều chỉnh lãi suất cho vay trong hạn theo thỏa thuận của các bên trong Hợp đồng này và Khế ước nhận nợ.

+ Lãi suất quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Kể từ thời điểm phát sinh nợ quá hạn, khi đến kỳ điều chỉnh lãi suất, lãi suất cho vay trong hạn vẫn được điều chỉnh theo phương thức do các bên thỏa thuận trong Hợp đồng này và Khế ước nhận nợ. Lãi suất quá hạn của kỳ đó cũng sẽ thay đổi theo – bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn sau khi đã điều chỉnh định kỳ.

- Biện pháp bảo đảm cho khoản vay nêu trên là: 03 Hợp đồng bảo lãnh

Theo Hợp đồng bảo lãnh số 130317-3494840-01-SME/HĐBL ký ngày 14/3/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 130317-3494840-02-SME/HĐBL ký ngày 14/3/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 130317-3494840-03-SME/HĐBL ký ngày 14/3/2017: ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty K1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty K1 với V1 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty K1 và V1, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

[1.2]. Quá trình thực hiện Hợp đồng:

Khế ước nhận nợ số: 170317-3494840-01-SME ngày 18/3/2017, V1 đã giải ngân cho Công ty K1 số tiền 745.492.470 đồng.

Tính đến ngày 14/9/2018, Công ty K1 trả được 528.071.000 đồng tiền gốc và 152.164.711 đồng tiền lãi. Kể từ ngày 15/9/2018, Công ty K1 không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với V1. V1 đã chuyển toàn bộ khoản vay sang nợ quá hạn với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ. Tạm tính đến ngày 31/10/2019, Công ty K1 còn nợ V1 số tiền như sau: nợ gốc: 217.421.470 đồng; nợ lãi: 77.886.305 đồng; phạt chậm trả: 1.526.795 đồng. Tổng cộng: 296.834.570 (hai trăm chín mươi sáu triệu tám trăm ba mươi tư nghìn năm trăm bảy mươi) đồng.

[1.3]. Đề nghị: Căn cứ các điều 342, 466 của Bộ luật Dân sự 2015, các tài liệu chứng cứ kèm theo, yêu cầu Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội:

- Buộc Công ty K1 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng như đã nêu trên.

- Trong trường hợp Công ty K1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy

đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty K1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên.

- Tòa án tiếp tục tính lãi và phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty K1 thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

- Trong trường hợp Công ty K1 và ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty K1 và ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L để thu hồi khoản nợ vay.

- Án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ.

[2] Quá trình làm việc tại Tòa án, ông Đỗ Khánh T, là người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty K1 trình bày:

Tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng với V1, người đại diện theo pháp luật của Công ty K1 là ông Vũ Đình P nhưng sau đó đã thay đổi đăng ký kinh doanh, ông Đỗ Khánh T là người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ông T xác nhận các nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đúng. Tuy nhiên, ông T không đưa ra được phương án trả nợ cho V1.

[3] Quá trình làm việc tại Tòa án, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Đỗ Khánh T, ông Vũ Đình P có đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, tuy nhiên không đến đầy đủ. Tại buổi làm việc, ông T và ông P không phủ nhận việc đã ký Hợp đồng bảo lãnh, nhưng đều không đưa ra phương án thực hiện nghĩa vụ; đồng thời không tự khai, không hợp tác để Tòa án lấy lời khai. Bà Trần Thị L vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc theo triệu tập của Tòa án.

Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án nhân dân quận Hà Đông đã tiến hành hòa giải nhưng các bên đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Do những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đến Tòa án không đầy đủ. Tòa án đã thông báo cho các đương sự về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kết quả thu thập chứng cứ, hòa giải tại Tòa án, văn bản thông báo đã được tổng đạt hợp lệ, Tòa án không nhận được văn bản thể hiện quan điểm của những người liên quan đối với vụ án.

[4] Tại phiên tòa:

[4.1] Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Giữ nguyên yêu cầu khởi kiện: Buộc Công ty K1 thanh toán trả nợ cho V1 với số tiền tính đến hết ngày 30/9/2023 là: nợ gốc: 217.421.470 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.753.414 đồng; nợ lãi quá hạn: 366.026.327. Tổng cộng: 587.201.211 (năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm linh một nghìn hai trăm mười một) đồng. Đồng thời, giữ nguyên các yêu cầu như đã nêu tại mục [1.3].

- Rút một phần yêu cầu khởi kiện, không yêu cầu Công ty K1 phải trả số tiền phạt chậm trả là 97.692.166 đồng.

[4.2] Bị đơn do ông Đỗ Khánh T đại diện (ông T cũng là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan với vai trò người bảo lãnh) thừa nhận Hợp đồng tín dụng, số tiền giải ngân theo Khế ước nhận nợ, số tiền đã trả, số tiền nợ gốc, nợ lãi, các Hợp đồng bảo lãnh như đại diện nguyên đơn trình bày. Tuy nhiên, ông T trình bày ông đã có sự thống nhất trách nhiệm với các thành viên khác trong công ty nên họ phải có trách nhiệm.

[4.3] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Vũ Đình P thừa nhận việc ký Hợp đồng bảo lãnh bảo đảm cho khoản vay của Công ty K1. Tuy nhiên, ông P cho rằng Công ty K1 còn tài sản nên phải tự trả nợ; ông P trình bày thêm là khi Công ty K1 vay tiền đã có ký Hợp đồng bảo hiểm tiền vay, nay ông không còn liên quan đến Công ty K1 nữa.

[4.4] Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa, không có ý kiến gì gửi đến Tòa án.

[4.5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông tham gia phiên tòa có quan điểm về thực hiện quyền giám sát pháp luật:

[4.5.1] Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Đối với người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án đến tại phiên tòa và trước khi Hội đồng xét xử nghị án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Đối với việc vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa: đây là lần vắng mặt thứ hai mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ, vì vậy căn cứ Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật.

[4.5.2] Về nội dung vụ án và hướng giải quyết:

- Đại diện nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền phạt chậm trả là 97.692.166 đồng, đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

+ Buộc Công ty K1 phải thanh toán cho V1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng tính đến hết ngày 30/9/2023 là: nợ gốc: 217.421.470 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.753.414 đồng; nợ lãi quá hạn: 366.026.327. Tổng cộng: 587.201.211 (năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm linh một nghìn hai trăm mười một) đồng.

+ Trong trường hợp Công ty K1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, đề nghị Tòa án buộc ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty K1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

+ Tòa án tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay và Khế ước nhận nợ cho đến ngày Công ty K1 thực tế thanh toán hết nợ cho V1.

+ Trong trường hợp Công ty K1 và ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho V1, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty K1 và ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L để thu hồi khoản nợ vay.

+ Về án phí: Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

V1 được thành lập ngày 12/8/1993, Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực tài chính - ngân hàng, trong đó có hoạt động cấp tín dụng vì mục đích lợi nhuận. Công ty K1, địa chỉ trụ sở theo đăng ký kinh doanh: Tổ dân phố T, phường D, quận H, thành phố Hà Nội được Phòng đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và đầu tư thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hoạt động vì mục đích lợi nhuận. Ngày 14/3/2017, Công ty K1 ký hợp đồng vay vốn tại V1, xác định hợp đồng giữa các bên là hợp đồng tín dụng, thuộc loại hợp đồng vay tài sản được quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Mục đích sử dụng vốn vay: bổ sung vốn kinh doanh phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Do đó, xác định hợp đồng giữa các bên là hợp đồng tín dụng phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa bên cho vay và bên vay, tranh chấp phát sinh từ

hợp đồng này là loại việc quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ quy định về thẩm quyền theo loại việc và lãnh thổ, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa:

Quyết định đưa vụ án ra xét xử đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Tại phiên tòa ngày 14/9/2023 chỉ có mặt đại diện nguyên đơn, các đương sự khác vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử vào ngày 30/9/2023. Quyết định hoãn phiên tòa đã được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Xét thấy, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Trần Thị L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, việc bà L vắng mặt được xem là từ bỏ quyền trình bày, đưa ra chứng cứ, chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017; Phụ lục hợp đồng số 01/PLHD ngày 14/3/2017 sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017 giữa V1 và Công ty K1 được các bên ký kết hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên có hiệu lực pháp luật.

Ngày 18/3/2017, V1 đã giải ngân cho Công ty K1 745.492.470 đồng theo Khế ước nhận nợ số 170317-3494840-01-SME là thực hiện đúng nghĩa vụ của bên cho vay.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả nợ:

Sau khi được V1 giải ngân số tiền 745.492.470 đồng, đến ngày 14/9/2018, Công ty K1 đã thanh toán cho V1 tổng số tiền 528.071.000 đồng tiền gốc và 152.164.711 đồng tiền lãi. Kể từ sau ngày 14/9/2018, Công ty K1 không thanh toán tiền cho V1, đã vi phạm cam kết của bên vay theo thỏa thuận tại Điều 4 Hợp đồng tín dụng nên V1 có quyền xử lý nợ theo quy định tại Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010.

- Đối với yêu cầu trả tiền nợ gốc: theo Bản sao kê thanh toán của V1, tính đến ngày 30/9/2023, Công ty K1 còn nợ V1 số tiền gốc 217.421.470 đồng là có căn cứ nên chấp nhận.

- Đối với yêu cầu tính lãi: căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng

một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm, lãi suất được tính đến ngày xét xử sơ thẩm, mức lãi suất được xác định theo lãi suất các bên thỏa thuận phù hợp với Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng.

+ Lãi trên nợ gốc trong hạn chưa trả: thỏa thuận giữa các bên trong Hợp đồng tín dụng về lãi suất là phù hợp, trong phạm vi khung lãi suất cho vay theo Quyết định số 210/2017/QĐ-TGD ngày 14/3/2017 của Tổng Giám đốc V1. V1 tính theo lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ trên cơ sở các Quyết định điều chỉnh lãi suất, thời điểm tính lãi suất tương ứng với thời hạn vay chưa trả, tính đến ngày 30/9/2023, lãi trong hạn là 3.753.414 đồng.

+ Lãi trên nợ gốc quá hạn chưa trả: V1 tính theo thỏa thuận của các bên bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn (15%/năm) là đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng. Công ty K1 không thanh toán tiền vay đúng thời hạn là vi phạm thỏa thuận đã ký kết nên V1 có quyền chuyển toàn bộ dư nợ gốc sang nợ quá hạn từ ngày 16/9/2018, đồng thời áp dụng lãi suất quá hạn là có căn cứ, số tiền lãi quá hạn tính đến ngày 30/9/2023 là 366.026.327 đồng.

+ Phạt chậm trả: 97.692.166 đồng, tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đối với khoản tiền này. Xét việc rút yêu cầu này là tự nguyện, không trái pháp luật nên được chấp nhận, Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với phần yêu cầu khởi kiện này của nguyên đơn.

Xét yêu cầu tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của nguyên đơn là đúng các thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ đã ký giữa các bên, phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 của Luật Các tổ chức tín dụng và văn bản quy phạm pháp luật quy định về lãi suất áp dụng cho hợp đồng tín dụng tại thời điểm xác lập hợp đồng, trong phạm vi quy định lãi suất cho vay của V1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Do vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc Công ty K1 phải thanh toán cho V1 tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn nêu trên, tổng cộng là 587.201.211 đồng.

Đồng thời, Công ty K1 phải có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 01/10/2023 cho đến khi trả hết khoản nợ theo lãi suất quy định trong Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ.

[2.3] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ:

[2.3.1] Theo Hợp đồng bảo lãnh số 130317-3494840-01-SME/HĐBL ký ngày 14/3/2017, Hợp đồng bảo lãnh số 130317-3494840-02-SME/HĐBL ký ngày 14/3/2017 và Hợp đồng bảo lãnh số 130317-3494840-03-SME/HĐBL ký ngày 14/3/2017: ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L đồng ý dùng toàn bộ

tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty K1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty K1 với V1 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017 và các hợp đồng, văn bản tín dụng khác ký giữa Công ty K1 và V1, bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và văn bản liên quan.

Xét 03 Hợp đồng bảo lãnh nêu trên các bên giao kết hợp đồng có nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các điều 335, 336, 338 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên có hiệu lực.

Tại các điều 1, 2, 3 của các Hợp đồng bảo lãnh, ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty K1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ bao gồm: trả nợ gốc, nợ lãi, các khoản phí, tiền phạt, tiền bồi thường thiệt hại, các chi phí và tất cả các nghĩa vụ khác của Công ty K1 với V1 phát sinh từ Hợp đồng tín dụng, Phụ lục Hợp đồng và Khế ước nhận nợ.

Như vậy, theo cam kết của bên bảo lãnh và quy định tại các điều 339, 342 của Bộ luật Dân sự 2015, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, trong trường hợp bên vay không trả được nợ thì nguyên đơn có quyền yêu cầu bên bảo lãnh trả nợ thay. Do đó, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bên bảo lãnh thực hiện nghĩa vụ. Theo thỏa thuận tại Điều 1 của 03 Hợp đồng bảo lãnh, các ông T, P, L đều đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty K1 trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ, do đó việc yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh được áp dụng theo Điều 338 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2.3.2] Với các nhận định tại mục [2.3.1], không có cơ sở xem xét đề nghị của ông T và ông P về việc chuyển các nghĩa vụ, bên vay và bên bảo lãnh phải thực hiện các nghĩa vụ với V1. Các nội dung ông T, ông P trình bày tại phiên tòa không thuộc phạm vi giải quyết của vụ án này nên ông T, ông P có quyền khởi kiện bằng vụ án khác nếu có tranh chấp.

[3]. Về án phí: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, nguyên đơn được chấp nhận đơn khởi kiện nên không phải nộp tiền án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền 8.000.000 đồng tạm ứng

án phí đã nộp. Bị đơn phải nộp án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm có giá ngạch căn cứ theo mức nghĩa vụ phải trả nợ là 587.201.211 đồng, cụ thể là: 20.000.000 đồng + 4% (587.201.211 đồng – 400.000.000 đồng) = 27.488.048 đồng, làm tròn thành 27.488.000 đồng.

[4]. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; các điều 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Các điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Các điều 280, 282, 288, 335, 336, 338, 339, 342, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm; Nghị định 11/2012/NĐ-CP ngày 22/02/2012 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Điểm b khoản 1 Điều 24; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án,

X:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng TMCP V đối với Công ty TNHH K1 về Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ (sửa đổi, bổ sung Hợp đồng tín dụng số 130317-3494840-01-SME ngày 14/3/2017) ngày 14/3/2017 và Khế ước nhận nợ số 170317-3494840-01-SME ngày 18/3/2017.

1.1. Buộc Công ty TNHH K1 trả cho Ngân hàng TMCP V tính đến ngày 30/9/2023, số tiền nợ gốc: 217.421.470 đồng; nợ lãi trong hạn: 3.753.414 đồng; nợ lãi quá hạn: 366.026.327, tổng cộng là 587.201.211 (năm trăm tám mươi bảy triệu hai trăm linh một nghìn hai trăm mười một) đồng.

1.2. Kể từ ngày 01/10/2023, Công ty TNHH K1 tiếp tục chịu lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, K ước nhận nợ cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng TMCP V.

1.3. Trong trường hợp Công ty K1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L có nghĩa vụ trả nợ thay Công ty K1 toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ nêu trên.

1. 4. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty K1 và ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V, Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, thu giữ, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của Công ty K1 và ông Vũ Đình P, ông Đỗ Khánh T, bà Trần Thị L để thu hồi khoản nợ vay.

2. Đình chỉ giải quyết đối với phần rút yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về khoản tiền 97.692.166 đồng phạt chậm trả.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Ngân hàng TMCP V không phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm, được trả lại số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án, lệ phí Tòa án số 0009440 ngày 09/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông. Bị đơn Công ty TNHH K1 phải nộp 27.488.000 (hai mươi bảy triệu bốn trăm tám mươi tám nghìn) đồng án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 30/9/2023. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Hà Đông, thành phố Hà Nội;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Ngô Thị Ánh